

Số: /TBHH-CVHHBT Lâm Đồng, ngày tháng 6 năm 2026

**THÔNG BÁO HÀNG HẢI**  
**Về thông số kỹ thuật độ sâu khu nước trước Bến cảng Nhà máy Nhiệt điện**  
**Vĩnh Tân 2 và luồng, vũng quay tàu Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân**

Vùng biển: Lâm Đồng.

Tên luồng: Luồng hàng hải Vĩnh Tân.

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải; Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Xét Đơn đề nghị công bố thông báo hàng hải số 1298/ĐN-NĐVT ngày 25/6/2026 của Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP, kèm theo Bình đồ khảo sát độ sâu và các hồ sơ liên quan.

Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận thông báo về thông số kỹ thuật (*định kỳ*) độ sâu khu nước trước Bến cảng Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 và luồng, vũng quay tàu Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân như sau:

1. Trong phạm vi khảo sát độ sâu khu nước trước Bến cảng Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, như sau:

1.1. Trong phạm vi khảo sát độ sâu khu nước trước Cầu cảng nhập than, được giới hạn bởi các điểm:

| Tên điểm | Hệ VN-2000    |                | Hệ WGS-84     |                |
|----------|---------------|----------------|---------------|----------------|
|          | Vĩ độ         | Kinh độ        | Vĩ độ         | Kinh độ        |
| KN-01    | 11°18'34,42"N | 108°48'05,77"E | 11°18'30,71"N | 108°48'12,19"E |
| KN-02    | 11°18'31,87"N | 108°48'06,32"E | 11°18'28,16"N | 108°48'12,74"E |
| KN-03    | 11°18'34,33"N | 108°48'18,13"E | 11°18'30,62"N | 108°48'24,55"E |
| KN-04    | 11°18'36,34"N | 108°48'15,00"E | 11°18'32,63"N | 108°48'21,42"E |

Độ sâu được xác định bằng máy đo sâu hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 13,50 m.

1.2. Trong phạm vi khảo sát độ sâu khu nước trước Cầu cảng nhập dầu, được giới hạn bởi các điểm:

| Tên điểm | Hệ VN-2000    |                | Hệ WGS-84     |                |
|----------|---------------|----------------|---------------|----------------|
|          | Vĩ độ         | Kinh độ        | Vĩ độ         | Kinh độ        |
| KN-04    | 11°18'36,34"N | 108°48'15,00"E | 11°18'32,63"N | 108°48'21,42"E |
| KN-05    | 11°18'37,40"N | 108°48'19,90"E | 11°18'33,69"N | 108°48'26,32"E |

|       |               |                |               |                |
|-------|---------------|----------------|---------------|----------------|
| KN-06 | 11°18'35,80"N | 108°48'20,20"E | 11°18'32,09"N | 108°48'26,62"E |
| KN-07 | 11°18'35,10"N | 108°48'17,00"E | 11°18'31,39"N | 108°48'23,42"E |

Độ sâu được xác định bằng máy đo sâu hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 6,28 m.

2. Trong phạm vi khảo sát độ sâu vũng quay tàu Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân, được giới hạn bởi các điểm sau:

| Tên điểm | Hệ VN-2000    |                | Hệ WGS-84     |                |
|----------|---------------|----------------|---------------|----------------|
|          | Vĩ độ         | Kinh độ        | Vĩ độ         | Kinh độ        |
| B3       | 11°18'16,97"N | 108°48'19,51"E | 11°18'13,26"N | 108°48'25,93"E |
| VT16     | 11°18'25,11"N | 108°48'21,18"E | 11°18'21,40"N | 108°48'27,60"E |
| VT15     | 11°18'29,91"N | 108°48'21,48"E | 11°18'26,20"N | 108°48'27,90"E |
| VT14     | 11°18'35,31"N | 108°48'20,28"E | 11°18'31,60"N | 108°48'26,70"E |
| VT13     | 11°18'32,41"N | 108°48'06,68"E | 11°18'28,70"N | 108°48'13,10"E |
| VT12     | 11°18'28,41"N | 108°48'07,48"E | 11°18'24,70"N | 108°48'13,90"E |
| B2'      | 11°18'23,02"N | 108°48'10,85"E | 11°18'19,31"N | 108°48'17,27"E |
| B2       | 11°18'24,50"N | 108°48'17,90"E | 11°18'20,79"N | 108°48'24,32"E |

Độ sâu được xác định bằng máy đo sâu hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 12,59 m.

3. Trong phạm vi khảo sát độ sâu luồng vào vũng quay tàu Trung tâm điện lực Vĩnh Tân, được giới hạn các điểm sau:

| Tên điểm | Hệ VN-2000    |                | Hệ WGS-84     |                |
|----------|---------------|----------------|---------------|----------------|
|          | Vĩ độ         | Kinh độ        | Vĩ độ         | Kinh độ        |
| VT5      | 11°17'42,61"N | 108°48'39,88"E | 11°17'38,90"N | 108°48'46,30"E |
| BP06     | 11°17'45,51"N | 108°48'34,08"E | 11°17'41,80"N | 108°48'40,50"E |
| VT7      | 11°17'51,81"N | 108°48'29,98"E | 11°17'48,10"N | 108°48'36,40"E |
| BP07     | 11°17'56,11"N | 108°48'27,18"E | 11°17'52,40"N | 108°48'33,60"E |
| VT17     | 11°18'14,91"N | 108°48'19,08"E | 11°18'11,20"N | 108°48'25,50"E |
| B3       | 11°18'16,97"N | 108°48'19,51"E | 11°18'13,26"N | 108°48'25,93"E |
| B2       | 11°18'24,50"N | 108°48'17,90"E | 11°18'20,79"N | 108°48'24,32"E |
| B2'      | 11°18'23,02"N | 108°48'10,85"E | 11°18'19,31"N | 108°48'17,27"E |
| B1       | 11°18'21,71"N | 108°48'04,58"E | 11°18'18,00"N | 108°48'11,00"E |
| B13      | 11°18'09,91"N | 108°48'07,08"E | 11°18'06,20"N | 108°48'13,50"E |
| B12      | 11°18'10,91"N | 108°48'11,98"E | 11°18'07,20"N | 108°48'18,40"E |
| BT08     | 11°18'06,11"N | 108°48'16,08"E | 11°18'02,40"N | 108°48'22,50"E |
| BT07     | 11°18'01,31"N | 108°48'18,08"E | 11°17'57,60"N | 108°48'24,50"E |
| VT8      | 11°17'48,41"N | 108°48'22,98"E | 11°17'44,70"N | 108°48'29,40"E |
| BT06     | 11°17'38,71"N | 108°48'26,68"E | 11°17'35,00"N | 108°48'33,10"E |
| VT6      | 11°17'34,31"N | 108°48'35,48"E | 11°17'30,60"N | 108°48'41,90"E |

Độ sâu được xác định bằng máy đo sâu hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 13,28 m.

4. Trong phạm vi khảo sát khu vực tuyến luồng dẫn vào Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân, như sau:

4.1. Trong phạm vi khảo sát khu vực 1, tuyến luồng dẫn vào Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

| Tên điểm | Hệ VN-2000    |                | Hệ WGS-84     |                |
|----------|---------------|----------------|---------------|----------------|
|          | Vĩ độ         | Kinh độ        | Vĩ độ         | Kinh độ        |
| BT01     | 11°17'47,71"N | 108°53'50,18"E | 11°17'44,00"N | 108°53'56,60"E |
| BT02     | 11°18'02,41"N | 108°52'45,88"E | 11°17'58,70"N | 108°52'52,30"E |
| BT03     | 11°18'02,21"N | 108°51'32,08"E | 11°17'58,50"N | 108°51'38,50"E |
| BT04     | 11°17'31,01"N | 108°49'18,78"E | 11°17'27,30"N | 108°49'25,20"E |
| VT4      | 11°17'27,41"N | 108°49'05,78"E | 11°17'23,70"N | 108°49'12,20"E |
| VT3      | 11°17'34,81"N | 108°49'04,38"E | 11°17'31,10"N | 108°49'10,80"E |
| BP04     | 11°17'35,11"N | 108°49'09,08"E | 11°17'31,40"N | 108°49'15,50"E |
| BP03     | 11°18'08,21"N | 108°51'30,68"E | 11°18'04,50"N | 108°51'37,10"E |
| BP02     | 11°18'08,41"N | 108°52'47,28"E | 11°18'04,70"N | 108°52'53,70"E |
| BP01     | 11°17'53,71"N | 108°53'51,58"E | 11°17'50,00"N | 108°53'58,00"E |

Độ sâu được xác định bằng máy đo sâu hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 15,90 m.

4.2. Trong phạm vi khảo sát khu vực 2, tuyến luồng dẫn vào Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

| Tên điểm | Hệ VN-2000    |                | Hệ WGS-84     |                |
|----------|---------------|----------------|---------------|----------------|
|          | Vĩ độ         | Kinh độ        | Vĩ độ         | Kinh độ        |
| VT3      | 11°17'34,81"N | 108°49'04,38"E | 11°17'31,10"N | 108°49'10,80"E |
| VT4      | 11°17'27,41"N | 108°49'05,78"E | 11°17'23,70"N | 108°49'12,20"E |
| BT05     | 11°17'24,41"N | 108°48'55,18"E | 11°17'20,70"N | 108°49'01,60"E |
| VT6      | 11°17'34,31"N | 108°48'35,48"E | 11°17'30,60"N | 108°48'41,90"E |
| VT5      | 11°17'42,61"N | 108°48'39,88"E | 11°17'38,90"N | 108°48'46,30"E |
| BP05     | 11°17'34,31"N | 108°48'56,38"E | 11°17'30,60"N | 108°49'02,80"E |

Độ sâu được xác định bằng máy đo sâu hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 13,70 m.

### HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Tổ chức, cá nhân và tàu thuyền căn cứ Thông báo hàng hải, Bình đồ độ sâu khu nước trước Bến cảng Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 và luồng, vũng quay tàu Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân nêu trên để bố trí tàu thuyền hoạt động tại khu vực, điều động tàu vào, rời cảng đảm bảo an toàn.

**Ghi chú:**

- Dữ liệu thông số đo đạc căn cứ tại Bình đồ độ sâu do Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP cung cấp (tham chiếu truy cập theo đường dẫn <https://byvn.net/wwi6> hoặc mã QR đính kèm).

- Trường hợp có yêu cầu cung cấp bổ sung thông tin chi tiết, đề nghị liên hệ Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP (đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu đo đạc, khảo sát đã cung cấp để đề nghị công bố thông báo hàng hải) để được hỗ trợ./.

**Nơi nhận:**

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- Tổng Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân - CN Tổng Cty Phát điện 3 - CTCP;
- Công ty Cổ phần H.S.C;
- Đại diện Tuy Phong;
- Danh sách nơi nhận kèm theo;
- Đăng website đơn vị;
- Lưu: VT, QLKCHT-ATANHH (Đ.Trung).

**GIÁM ĐỐC****Đỗ Văn Thuận**

Bình đồ số hóa

**Danh sách nơi nhận kèm theo:**

- |  |  |
|--|--|
| 1 Bộ Tư lệnh Hải quân;                         | 9 Trung tâm PHTKCN Hàng hải khu vực III; |
| 2 Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam;           | 10 Đài Thông tin Duyên hải Phan Thiết;   |
| 3 Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng;                   | 11 Các doanh nghiệp cảng biển;           |
| 4 BCH. Bộ đội Biên phòng tỉnh Lâm Đồng;        | 12 Các doanh nghiệp chủ tàu;             |
| 5 Các Cảng vụ Hàng hải;                        | 13 Các doanh nghiệp dịch vụ hàng hải;    |
| 6 Các Cảng vụ Đường thủy nội địa;              | 14 Các tổ chức, cá nhân có liên quan.    |
| 7 Bảo đảm ATHH Nam Trung Bộ;                   |  |
| 8 Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải Miền Nam; |  |